

Bản án số: **586/2020/KDTM-PT**

Ngày: 23/6/2020

V/v: t/c Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán: 1. Ông **Ngô Văn Dũng**

2. Bà **Vũ Thị Hường**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: bà **Huỳnh Thúy Ngân** - Thư ký  
Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa: Ông **Trần Hồng Long** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 6 năm 2020 và ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại  
trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh  
doanh thương mại thụ lý số: 35/2020/KDTM-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020  
về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 73/2019/KDTM-ST ngày  
29/11/2019 của Toà án nhân dân Quận M Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng  
nghị theo Quyết định kháng nghị số 542/QĐKNPT-VKS-DS ngày 30/12/2019  
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2252/2020/QĐPT-KDTM ngày  
04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4899/2020/QĐ-HPT  
ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Ngân hàng TV.*

Trụ sở: đường LH, phường LH, quận DD, TP. Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày  
13/6/2019:*

- Ông Ma Khắc K, sinh năm 1990 (*vắng mặt*).

- Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1997 (*có mặt*).

Địa chỉ: đường CT, Phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn: Công ty TNHH TH.*

*Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Tâm H (có mặt).*

*Địa chỉ: đường HBK, Phường 15, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*3.1. Bà Nguyễn Tâm H sinh năm 1970 (có mặt).*

*Địa chỉ: đường HBK, Phường 15, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.*

*3.2. Bà Nguyễn Tâm Th, sinh năm 1978 (vắng mặt).*

*Địa chỉ: đường HBK, Phường 15, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:***

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TV và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau:*

Công ty TNHH TH (gọi tắt là Công ty TH) đã vay vốn tại Ngân hàng TV (gọi tắt là NGÂN HÀNG TV) theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/16/0033/HDTD ngày 05/4/2016: số tiền vay là 300.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng. Mục đích vay để thanh toán số tiền mua hàng cho chi nhánh Công ty CP WMT. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Nguyễn Tâm H và bảo lãnh của bà Nguyễn Tâm Th theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/16/0033/HDBL ngày 05/4/2016. Tính đến ngày 28/11/2019 Công ty TH còn nợ NGÂN HÀNG TV theo hợp đồng là 173.015.769 đồng (trong đó nợ gốc 108.410.000 đồng, lãi trong hạn 1.801.598 đồng, lãi quá hạn 62.804.171 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/00106/HDTD ngày 05/7/2017: số tiền vay là 250.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Nguyễn Tâm H theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/00106/HDBL ngày 05/7/2017. Tính đến ngày 28/11/2019 Công ty TH còn nợ NGÂN HÀNG TV số tiền tổng cộng là 343.612.889 đồng (trong đó nợ gốc 194.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.024.151 đồng, lãi quá hạn 132.208.575 đồng, phạt chậm trả lãi 13.380.163 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/18/0008/HDTD ngày 17/01/2018 có với số tiền vay là 115.000.000 đồng trong thời hạn vay 36 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh hoạt động buôn bán thực phẩm. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Nguyễn Tâm H theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/18/0008/HDBL ngày 17/01/2018. Tính đến ngày 28/11/2019 Công ty TH còn nợ NGÂN HÀNG TV số tiền tổng cộng là

190.593.695 đồng (trong đó nợ gốc 108.600.000 đồng, lãi trong hạn 2.697.645 đồng, lãi quá hạn 72.547.837 đồng, phạt chậm trả lãi 6.748.213 đồng).

- Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/18/0030/HDHM ngày 21/3/2018 có với số tiền vay là 500.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Nguyễn Tâm H theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/18/0030/HDBL ngày 21/3/2018. Tính đến ngày 28/11/2019 Công ty TH còn nợ NGÂN HÀNG TV số tiền tổng cộng là 796.706.892 đồng (trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 10.384.932 đồng, lãi quá hạn 262.873.972 đồng, phạt chậm trả lãi 23.447.988 đồng).

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số SME/HCM/17/00106/HDTD ngày 23/6/2017 có Hợp đồng bảo lãnh số SME/HCM/17/00106/HDBL ngày 05/7/2017 với hạn mức là 50.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng. Tính đến ngày 28/11/2019 Công ty TH còn nợ NGÂN HÀNG TV số nợ tổng cộng là 66.971.271 đồng (trong đó nợ gốc 49.889.234 đồng, nợ lãi 17.082.037 đồng).

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc Công ty TH phải trả ngay một lần cho NGÂN HÀNG TV tổng số nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 28/11/2019 là:

+ Nợ gốc: 911.010.000 đồng

+ Nợ lãi: 592.919.245 đồng

+ Nợ gốc khoản thẻ: 49.889.234 đồng

+ Nợ lãi khoản thẻ: 17.082.037 đồng

Tổng cộng số tiền là: 1.570.900.516 đồng.

Ngoài ra Công ty TH phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp Công ty TH không thanh toán nợ đúng hạn thì bên bảo lãnh là bà Nguyễn Tâm H và bà Nguyễn Tâm Th phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

\* Bị đơn là Công ty TH có bà Nguyễn Tâm H đại diện trình bày: xác nhận có vay các khoản vay của NGÂN HÀNG TV và có nợ số tiền gốc, lãi, nợ thẻ đúng như trình bày của nguyên đơn. Do tình hình doanh nghiệp đang gặp khó khăn nên xin gia hạn thời gian trả toàn bộ số nợ trên đến cuối tháng 01/2020. Bà H cũng thừa nhận là người bảo lãnh cho khoản vay trên của Công ty TH và đồng

ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng trong trường hợp Công ty TH không thanh toán đầy đủ.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Tâm Th trình bày: xác nhận chỉ chấp nhận trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/16/0033/HDTD ngày 05/4/2016 do bà ký bảo lãnh. Không đồng ý thanh toán các khoản vay mà bà không bảo lãnh như yêu cầu của nguyên đơn.*

***Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 73/2019/KDTM-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 335, 336, 339, 340, 342, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn -Ngân hàng TV.

1.1. Buộc bị đơn Công ty TH thanh toán cho Ngân hàng TV số tiền vốn và lãi tổng cộng tính đến ngày 28/11/2019 là 173.015.769 đồng (*trong đó nợ gốc 108.410.000 đồng, lãi trong hạn 1.801.598 đồng, lãi quá hạn 62.804.171 đồng*) cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/16/0033/HDTD ngày 05/4/2016 được tính tiếp theo từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phát sinh trong hợp đồng.

- Trong trường hợp bị đơn Công ty TH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ, thì người bảo lãnh là bà Nguyễn Tâm H, bà Nguyễn Tâm Th có trách nhiệm thanh toán nợ.

1.2. Buộc Công ty TH thanh toán cho Ngân hàng TV số tiền tổng cộng 1.397.884.747 đồng (*trong đó nợ gốc 852.489.234 đồng, nợ lãi 545.395.513 đồng*) đối với các khoản nợ phát sinh trong các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ sau:

- Số tiền vốn lãi tổng cộng tính đến ngày 28/11/2019 là 343.612.889 đồng (*trong đó nợ gốc 194.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.024.151 đồng, lãi quá hạn*

132.208.575 đồng, phạt chậm trả lãi 13.380.163 đồng) cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/17/00106/HDTD ngày 05/7/2017 được tính tiếp theo từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phát sinh trong hợp đồng.

- Số tiền vốn lãi tổng cộng tính đến ngày 28/11/2019 là 190.593.695 đồng (trong đó nợ gốc 108.600.000 đồng, lãi trong hạn 2.697.645 đồng, lãi quá hạn 72.547.837 đồng, phạt chậm trả lãi 6.748.213 đồng) cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/18/0008/HDTD ngày 17/01/2018 được tính tiếp theo từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phát sinh trong hợp đồng.

- Số tiền tổng cộng tính đến ngày 28/11/2019 là 796.706.892 đồng (trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 10.384.932 đồng, lãi quá hạn 262.873.972 đồng, phạt chậm trả lãi 23.447.988 đồng) cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/18/0030/HDHM ngày 21/3/2018 được tính tiếp theo từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phát sinh trong hợp đồng.

- Số tiền tổng cộng tính đến ngày 28/11/2019 là 66.971.271 đồng (trong đó nợ gốc 49.889.234 đồng, nợ lãi 17.082.037 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số SME/HCM/17/00106/HDTD ngày 23/6/2017 được tính tiếp theo từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phát sinh trong hợp đồng.

Trong trường hợp Công ty TH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ, thì người bảo lãnh là bà Nguyễn Tâm H có trách nhiệm thanh toán nợ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là người bảo lãnh) bà Nguyễn Tâm Th trong trường hợp bị đơn Công ty TH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì bà Nguyễn Tâm Th phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản nợ phát sinh nêu trên của tất cả các hợp đồng nêu trên cho nguyên đơn Ngân hàng TV.

### 3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- 8.650.788 đồng, bị đơn Công ty TH chịu. Trong trường hợp bị đơn Công ty TH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ chịu án phí, thì người bảo lãnh là bà Nguyễn Tâm H và bà Nguyễn Tâm Th có trách nhiệm liên đới chịu.

- 53.936.542 đồng Công ty TH chịu. Trong trường hợp bị đơn Công ty TH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ chịu án phí, thì người bảo lãnh là bà Nguyễn Tâm H có trách nhiệm chịu.

Nguyên đơn Ngân hàng TV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TV số tiền tạm ứng án phí 22.469.800 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016620 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 30/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, TP. Hồ Chí Minh kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng nghị : theo Phiếu xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm gửi cho Công an Phường 15 Quận M để xác minh về thông tin cư trú của bà Nguyễn Tâm H thì Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp có Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Viện kiểm sát vào tham gia tố tụng là có thiếu sót. Ngoài ra, nội dung kháng nghị còn nêu : việc Tòa án tuyên buộc bà H và bà Th là bên bảo lãnh phải liên đới chịu án phí sơ thẩm và buộc bà H phải chịu án phí trong trường hợp bên được bảo lãnh là Công ty TH không thi hành án về án phí là không đúng với quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng khoản nợ phát sinh của các hợp đồng tín dụng là 1.570.900.516 đồng nên căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu là 59.127.015 đồng nhưng bản án sơ thẩm lại tách từng khoản nợ của bị đơn để tính án phí dẫn đến khoản tiền chịu án phí mà bị đơn phải chịu tổng cộng là 62.587.330 đồng là không đúng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả ngay một lần số nợ nhưng Bản án sơ thẩm không tuyên buộc bị đơn trả ngay một lần số nợ là chưa xem xét đầy đủ yêu cầu của nguyên đơn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Giữ nguyên nội dung kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị theo hướng Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm. Nguyên đơn không có ý kiến về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát.

Bị đơn trình bày: Bị đơn không có ý kiến về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát. Bị đơn luôn có thiện chí muốn trả nợ nên đề nghị cho bị đơn có thêm thời gian để thương lượng với Ngân hàng về thời gian trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Quyết định kháng nghị số 542/QĐKNPT-VKS-DS ngày 30/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, TP. Hồ Chí Minh còn trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận M, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận M căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Về việc vắng mặt của bà Nguyễn Tâm Th: Ngày 27/5/2020, bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét kháng nghị số 542/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 30/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Theo Phiếu xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm gửi cho Công an Phường 15 Quận M để xác minh về thông tin cư trú của bà Nguyễn Tâm H thì cho thấy có tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp có Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng không khiếu nại về việc Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Hơn nữa việc xác minh thông tin cư trú của bà H chỉ là để

làm cơ sở cho thủ tục tổng đạt và bà H cũng đã trực tiếp tham gia quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm. Việc cấp sơ thẩm không đưa Viện Kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa sơ thẩm là có vi phạm về thủ tục tố tụng nhưng vi phạm này không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 310 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy Ý kiến đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là không có cơ sở.

[3.2] Xét nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và mức án phí trong vụ án: Bản án sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị đơn phải chịu án phí là đúng. Tuy nhiên việc bản án sơ thẩm tuyên buộc bà H và bà Th là bên bảo lãnh phải chịu án phí trong trường hợp bên được bảo lãnh là Công ty TH không thi hành án về án phí là không có căn cứ pháp luật. Ngoài ra, theo Danh mục án phí Tòa án được ban hành kèm Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì yêu cầu của nguyên đơn về số nợ tổng cộng là 1.570.900.516 đồng nên bị đơn chịu án phí là 59.127.015 đồng. Việc bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải chịu án phí tổng cộng là 62.587.330 đồng là không chính xác. Do vậy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xét lại về án phí là có cơ sở.

[3.4] Về kháng nghị cho rằng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả ngay một lần số nợ nhưng Bản án sơ thẩm không tuyên buộc bị đơn trả ngay một lần số nợ là chưa xem xét đầy đủ yêu cầu của nguyên đơn. **Xét:** Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận M đã tuyên: “Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”. Do vậy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M Thành phố Hồ Chí Minh như đã nêu trên là không có cơ sở.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể: sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí. Buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 59.127.015 đồng tính trên nghĩa vụ về số tiền phải trả cho nguyên đơn là tổng cộng là 1.570.900.516 đồng.



[4] Về nội dung các quyết định khác của bản án sơ thẩm do các bên đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận M Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - **Ngân hàng TV.**

1.1. Buộc Công ty TH thanh toán cho Ngân hàng TV số tiền vốn lãi tổng cộng tính đến ngày 28/11/2019 là 173.015.769 đồng (*trong đó nợ gốc 108.410.000 đồng, lãi trong hạn 1.801.598 đồng, lãi quá hạn 62.804.171 đồng*) cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số SME/HCM/16/0033/HDTD ngày 05/4/2016 được tính tiếp theo từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phát sinh trong hợp đồng. Trong trường hợp Công ty TH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ, thì người bảo lãnh là bà Nguyễn Tâm H, bà Nguyễn Tâm Th có trách nhiệm thanh toán nợ.

1.2. Buộc Công ty TH thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TV khoản nợ tổng cộng 1.397.884.747 đồng (trong đó nợ gốc 852.489.234 đồng, nợ lãi 545.395.513 đồng) là các khoản nợ phát sinh trong các hợp đồng tín dụng : Số SME/HCM/17/00106/HDTD ngày 05/7/2017; số SME/HCM/18/0008/HDTD ngày 17/01/2018 ; số SME/HCM/18/0030/HDHM ngày 21/3/2018 và Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số SME/HCM/17/00106/HDTD ngày 23/6/2017. Công ty TH còn phải chịu tiền lãi tính tiếp theo từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ

Trong trường hợp Công ty TH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ, thì người bảo lãnh là bà Nguyễn Tâm H có trách nhiệm thanh toán nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TV về việc buộc bà Nguyễn Tâm Th trong trường hợp bị đơn Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tâm Hạnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Tâm Th phải thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ phát sinh của tất cả các hợp đồng nêu trên cho Ngân hàng TV.

3. Án phí :

3.1. Công ty TH chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: là 59.127.015 đồng.

3.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.469.800 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016620 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án được thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- TAND quận M;
- Cục THADS TP HCM
- Chi cục THADS quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thanh Thủy**